

DANH SÁCH CÂU HỎI

(Kèm theo Thẻ lệ số: /TL-BTC ngày /3/2024 của Ban Tổ chức Cuộc thi)

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Các bên tranh chấp, mâu thuẫn trong hòa giải ở cơ sở có nghĩa vụ nào sau đây?

- A. Trình bày nội dung vụ việc bằng văn bản tại buổi hòa giải.
- B. Phải làm đơn khi yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải.
- C. Tuân thủ yêu cầu của hòa giải viên về việc tiến hành hòa giải công khai hoặc không công khai.
- D. Trình bày đúng sự thật các tình tiết của vụ, việc; cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan.

Câu 2. Việc thôi làm hòa giải viên được thực hiện trong trường hợp nào sau đây?

- A. Sau thời gian 05 năm làm hòa giải viên.
- B. Được tuyển dụng làm công chức chuyên trách của chính quyền cấp xã.
- C. Theo nguyện vọng của hòa giải viên.
- D. Không tiến hành hòa giải vụ, việc nào trong 02 năm liên tiếp.

Câu 3. Hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải ở cơ sở trong trường hợp nào sau đây?

- A. Sau 03 lần hòa giải không thành.
- B. Sau 05 lần hòa giải không thành.
- C. Một bên vắng mặt cả 02 lần mời đến hòa giải.
- D. Khi các bên không đạt được thỏa thuận và việc tiếp tục hòa giải cũng không thể đạt được kết quả.

Câu 4. Hòa giải viên ở cơ sở có quyền nào sau đây?

- A. Thu phí khi thực hiện hòa giải ở cơ sở.
- B. Tham gia sinh hoạt, thảo luận và quyết định nội dung, phương thức hoạt động của tổ hòa giải.
- C. Đưa ra phương án hòa giải và yêu cầu các bên phải thực hiện.
- D. Mời bất kỳ ai đến dự buổi hòa giải mà không cần có sự đồng ý của các bên.

Câu 5. Nội dung nào sau đây không thuộc trách nhiệm của Tổ hòa giải ở cơ sở?

- A. Tổ chức trao đổi kinh nghiệm, thảo luận các giải pháp để tiến hành hòa giải các vụ, việc.
- B. Báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã về những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, tổ dân phố.
- C. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân cấp xã về các điều kiện cần thiết cho hoạt động hòa giải ở cơ sở.
- D. Đề nghị khen thưởng hòa giải viên có thành tích xuất sắc trong công tác hòa giải.

Câu 6. Nếu các bên không thỏa thuận về thời gian hòa giải hoặc không nằm trong trường hợp cần thiết phải hòa giải ngay thì Hòa giải viên phải bắt đầu tiến hành hòa giải trong thời gian nào kể từ ngày được phân công?

- A. 15 ngày.
- B. 10 ngày.
- C. 05 ngày.
- D. 03 ngày.

Câu 7. Ai thực hiện việc hòa giải khi các bên mâu thuẫn, tranh chấp ở thôn, tổ dân phố khác nhau?

- A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mâu thuẫn, tranh chấp.
- B. Tổ trưởng tổ hòa giải hoặc hòa giải viên được phân công hòa giải ở các thôn, tổ dân phố đó phối hợp, trao đổi thông tin, bàn về biện pháp tiến hành hòa giải và thông báo với Trưởng ban công tác Mặt trận tại nơi đó cùng phối hợp giải quyết.
- C. Công chức Tư pháp – Hộ tịch xã, phường, thị trấn nơi xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp.
- D. Trưởng Công an cấp xã nơi xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp.

Câu 8. Nhận định nào sau đây là đúng về việc lập văn bản hòa giải thành?

- A. Các bên có thể thỏa thuận lập văn bản hòa giải thành.
- B. Các bên phải lập văn bản hòa giải thành.
- C. Hòa giải viên phải lập văn bản hòa giải thành để làm căn cứ thanh toán thù lao hòa giải.

D. Hòa giải viên phải lập văn bản hòa giải thành để làm căn cứ thống kê.

Câu 9: Hòa giải viên không có quyền nào trong số các quyền sau đây?

A. Đề nghị các bên có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến vụ, việc hòa giải.

B. Được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.

C. Được hưởng phụ cấp hàng tháng.

D. Được bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải; được cung cấp tài liệu liên quan đến hoạt động hòa giải.

Câu 10: Việc hòa giải được tiến hành ở đâu?

A. Phải được tiến hành ở trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

B. Phải được tiến hành ở nhà văn hóa của khu dân cư.

C. Phải được tiến hành ở trụ sở Công an cấp xã.

D. Nơi xảy ra vụ, việc hoặc nơi do các bên hoặc hòa giải viên lựa chọn, bảo đảm thuận lợi cho các bên.

Câu 11: Tổ hòa giải bao gồm những người nào và có từ bao nhiêu hòa giải viên trở lên?

A. Tổ hòa giải có tổ trưởng và các hòa giải viên. Mỗi tổ hòa giải có từ 02 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nam. Đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, tổ hòa giải phải có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số.

B. Tổ hòa giải có tổ trưởng, tổ phó và các hòa giải viên. Mỗi tổ hòa giải có từ 02 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ. Đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, tổ hòa giải không nhất thiết phải có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số.

C. Tổ hòa giải có tổ trưởng và các hòa giải viên. Mỗi tổ hòa giải có từ 03 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ. Đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, tổ hòa giải phải có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số.

D. Tổ hòa giải có tổ trưởng, tổ phó và hòa giải viên. Mỗi tổ hòa giải có từ 04 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ. Đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, tổ hòa giải phải có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số.

Câu 12. Hòa giải viên phải làm gì khi các bên không đạt được thỏa thuận và việc tiếp tục hòa giải không thể đạt được kết quả?

A. Quyết định kết thúc hòa giải.

B. Đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

C. Đề nghị khu dân cư họp bàn phương án giải quyết.

Câu 13: Khi nào thì được xem là hòa giải thành?

A. Hòa giải thành là trường hợp các bên đạt được thỏa thuận.

B. Hòa giải thành là trường hợp các bên đã hết quyền yêu cầu hòa giải.

C. Hòa giải thành là khi thời hạn yêu cầu hòa giải đã hết.

Câu 14. Hòa giải ở cơ sở là gì?

A. Là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở.

B. Là việc Ủy ban nhân dân cấp xã hòa giải các mâu thuẫn, xích mích tại thôn làng, ấp bản, tổ dân phố.

C. Là việc Tòa án nhân dân tiến hành hòa giải các vụ việc mà người dân ở cơ sở yêu cầu.

D. Là việc giám đốc doanh nghiệp và người lao động giải quyết tranh chấp về tiền lương và các điều kiện lao động tại doanh nghiệp.

Câu 15. Trường hợp nào sau đây không được hoà giải ở cơ sở?

A. Tranh chấp phát sinh từ quan hệ giữa các thành viên trong gia đình.

B. Mâu thuẫn giữa các bên trong việc sử dụng lối đi qua nhà, lối đi chung, sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung hoặc các lý do khác.

C. Mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng

Câu 16. Người được bầu làm hòa giải viên phải có tiêu chuẩn gì?

A. Ít nhất phải có trình độ trung cấp Luật trở lên.

B. Đã từng công tác trong các cơ quan bảo vệ pháp luật.

C. Có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân, có hiểu biết pháp luật.

Câu 17. Người nào sau đây chủ trì việc tổ chức bầu hòa giải viên?

A. Trưởng ban công tác Mặt trận.

B. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

C. Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố.

D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Câu 18. Người nào có thẩm quyền quyết định công nhận hòa giải viên?

- A. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.
- B. Trưởng khu dân cư.
- C. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
- D. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã.

Câu 19. Trường hợp nào sau đây hòa giải viên phải từ chối tiến hành hòa giải?

- A. Bản thân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ, việc hòa giải.
- B. Có lý do dẫn đến không thể bảo đảm khách quan, công bằng trong hòa giải.
- C. Khi xác định vụ, việc không thuộc phạm vi hòa giải theo quy định.
- D. Cả 3 phương án trên.

Câu 20. Trường hợp chưa xác định được vụ, việc có thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở hay không, hòa giải viên đề nghị ai hướng dẫn?

- A. Tổ trưởng tổ hòa giải.
- B. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.
- C. Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

Câu 21. Trường hợp phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật hình sự thì hòa giải viên có nghĩa vụ thông báo với ai ?

- A. Trưởng ban công tác Mặt trận.
- B. Tổ trưởng tổ hòa giải.
- C. Công chức Tư pháp - Hộ tịch.
- D. Công an xã.

Câu 22. Tổ trưởng tổ hòa giải không có quyền và nghĩa vụ nào sau đây?

- A. Phân công, phối hợp hoạt động của các hòa giải viên.
- B. Đại diện cho tổ hòa giải trong quan hệ với Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong thực hiện trách nhiệm của tổ hòa giải.
- C. Ra quyết định công nhận hòa giải thành.
- D. Báo cáo hằng năm và báo cáo đột xuất về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải với Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Câu 23. Những người nào có thể được mời tham gia hòa giải ở cơ sở?

- A. Người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc.
- B. Người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc người có uy tín khác.
- C. Già làng, chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc.
- D. Tất cả các phương án trên.

Câu 24. Phương án nào sau đây không phải là căn cứ tiến hành hòa giải ở cơ sở?

- A. Có đơn yêu cầu hòa giải của một bên.
- B. Đơn tố cáo tội phạm của người dân trong thôn.
- C. Theo đề nghị của Chi hội liên hiệp phụ nữ thôn.
- D. Hòa giải viên chứng kiến hoặc biết vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở.

Câu 25. Nội dung nào sau đây là nguyên tắc của hòa giải ở cơ sở?

- A. Công khai, mọi người có quyền tham dự.
- B. Khách quan, công bằng, kịp thời, có lý, có tình.
- C. Mọi thỏa thuận giữa các bên đều có giá trị thi hành.

Câu 26. Theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, người được đề nghị công nhận là hòa giải viên phải đạt bao nhiêu phần trăm (%) đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý?

- A. Trên 75%.
- B. Trên 70%.
- C. Trên 60%.
- D. Trên 50%.

Câu 27. Hòa giải viên có trách nhiệm nào sau đây?

- A. Hàng tháng, báo cáo hoạt động hòa giải của mình với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
- B. Hòa giải vụ, việc trong thời gian 10 ngày khi được phân công.
- C. Ghi nội dung vụ, việc hòa giải vào Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Câu 28. Người nào sau đây có quyền đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án?

- A. Hòa giải viên ở cơ sở.

- B. Một hoặc cả hai bên tham gia thỏa thuận hòa giải.
- C. Tổ trưởng tổ hòa giải.
- D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp.

Câu 29. Người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án phải gửi đơn đến Tòa án trong thời hạn nào sau đây kể từ ngày các bên đạt được thỏa thuận hòa giải thành?

- A. 03 tháng.
- B. 06 tháng.
- C. 09 tháng.
- D. 12 tháng.

Câu 30. Nội dung nào dưới đây không phải là một trong các điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án?

- A. Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.
- B. Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải. Trường hợp nội dung thỏa thuận hòa giải thành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người thứ ba thì phải được người thứ ba đồng ý.
- C. Kết quả hòa giải thành đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.
- D. Một hoặc cả hai bên có đơn yêu cầu Tòa án công nhận.

II. CÂU HỎI TƯ LUẬN

Anh/ chị cho biết hòa giải ở cơ sở là gì? Phạm vi hòa giải ở cơ sở được quy định như thế nào? Và để nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở đáp ứng yêu cầu xã hội trong thời gian tới thì anh/chị có kiến nghị, đề xuất gì?